| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CHÂU THÀNH**<br>**TỈNH BẾN TRE** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: **19/**2025/HNGĐ-ST
Ngày: 12/03/2025
*V/v "Ly hôn"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH BẾN TRE**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Ông **Huỳnh Minh Hiền**.

*Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Bà **Đinh Thị Thanh Giang**

2. Ông **Lê Tuấn Anh**

***- Thư ký phiên tòa***: Bà **Nguyễn Hồ Nhật Hạ** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Ngày 28 tháng 02 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 663/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2024 về việc "Ly hôn " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2025/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2025/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2025 giữa:

Nguyên đơn: **Ông Trần Tuấn H**, sinh năm 1972; Trú tại: Số A, ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre. (Có yêu cầu xét xử vắng mặt).

Bị đơn: **Bà Hà Thị Đ**, sinh năm 1970; Trú tại: Số A, ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre. (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, ông Trần Tuấn H trình bày:***

Ông H và bà Hà Thị Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre vào năm 2002. Quá trình chung sống hạnh phúc được thời gian đầu; sau đó đến năm 2008 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không còn tiếng nói chung. Ông H và bà Đ đã tìm nhiều cách để hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả và đã sống ly thân. Do không còn tình cảm với bà Đ nên ông H yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Hà Thị Đ, ông không yêu cầu cấp dưỡng vợ chồng sau khi ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Hà Tuấn T, sinh năm 1994 đã trưởng thành.

Về tài sản chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Phía bị đơn bà Hồ Thị Đ1 vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến.***

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn ông Trần Tuấn H có yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn bà Hồ Thị Đ1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông H, bà Đ1 là phù hợp với Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Quá trình tố tụng, Tòa án không có tiến hành thu thập chứng cứ, đối tượng tranh chấp không phải là tài sản công, lợi ích công cộng, quyền sử dụng đất, nhà ở, không có đương sự là người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi nên Viện kiểm sát không tham gia phiên tòa là đúng quy định tại Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình về việc ly hôn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Bà Hà Thị Đ có nơi cư trú tại: Số A, ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông H, bà Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre vào năm 2002 là phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Ông H khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Đ. Bà Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do tại các buổi hòa giải và tại phiên tòa. Ông H cương quyết yêu cầu ly hôn và có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Điều này cho thấy Ông H và bà Đ đã từ bỏ mối quan hệ hôn nhân này, không thể hiện mong muốn được đoàn tụ vợ chồng, việc hàn gắn tình cảm cho Ông H và bà Đ không có kết quả, mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng ông H và bà Đ đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ vợ chồng. Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông H đối với bà Đ là phù hợp quy định pháp luật. Ông H tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng

giữa vợ và chồng sau ly hôn nên ghi nhận. Bà Hà Thị Đ vắng mặt, không có yêu cầu về cấp dưỡng vợ chồng sau ly hôn nên tòa án không xem xét. Trường hợp bà Hà Thị Đ có yêu cầu về việc cấp dưỡng vợ chồng sau ly hôn thì được quyền khởi kiện bằng một vụ án khác theo quy định

[4] Về con chung: Ông H khai ông H và bà Đ có 01 con chung tên Trần Hà Tuấn T, sinh năm 1994 đã trưởng thành; bà Hà Thị Đ vắng mặt, không có lời trình bày về con chung nên không xét đến.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Ông H khai không có, bà Đ vắng mặt, không có lời trình bày nên không xét đến.

[6] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm ông H phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

*Căn cứ vào:*

*- Các Điều 56; 81; 82; 83; 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;*

*- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; khoản 1 Điều 273; Điều 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;*

*- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;*

**Tuyên xử:**

**1.** Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Trần Tuấn H đối với bà Hà Thị Đ. Ông Trần Tuấn H được ly hôn với bà Hà Thị Đ. Quan hệ hôn nhân giữa ông Trần Tuấn H và bà Hà Thị Đ chấm dứt kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ghi nhận ông Trần Tuấn H không yêu cầu cấp dưỡng cho vợ chồng sau khi ly hôn; bà Hà Thị Đ vắng mặt, không có yêu cầu về cấp dưỡng vợ chồng sau ly hôn nên tòa án không xem xét. Trường hợp bà Hà Thị Đ có yêu cầu về việc cấp dưỡng vợ chồng sau ly hôn thì được quyền khởi kiện bằng một vụ án khác theo quy định.

**2.** Về con chung: Ông H khai ông H và bà Đ có 01 con chung tên Trần Hà Tuấn T, sinh năm 1994 đã trưởng thành; bà Hà Thị Đ vắng mặt, không có lời trình bày về con chung nên không xét đến.

**3.** Về tài sản chung, nợ chung: Ông H khai không có, bà Đ vắng mặt, không có lời trình bày nên không xét đến.

**4.** Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Trần Tuấn H phải chịu là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai tạm ứng án phí số 0006395 ngày

18/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Ông Trần Tuấn H đã nộp xong án phí.

**5**. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu;
- Đương sự;
- UBND xã Phước Thạnh;
- Lưu: HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
**(Đã ký)**

**Huỳnh Minh Hiền**